

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày 11/01/2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư

Ông Huỳnh Văn Hoàn

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2021/QĐXXST-DS ngày 22/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Võ Thị Hồng T**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Bà **Đặng Thị Kim N**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Võ Thị Hồng T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim C có tham gia chơi hui do bà Đặng Thị Kim N làm chủ như sau:

Hui vàng, khai ngày 30/6/2019, hai tháng khai một lần, thỏa thuận hui sống đóng 01 chỉ vàng 24Kr, hót 1,5 chỉ vàng 24Kr, bà C đóng được 11 lần nên hót được 16,5 chỉ vàng 24Kr.

Hui 5.000.000 đồng, khai ngày 10/11/2019, hai tháng khai một lần, bà C đóng được 09 lần với số tiền 45.000.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 30/10/2019, mỗi tháng khai một lần, bà C đóng được 18 lần với số tiền 36.000.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/01/2020, mỗi tháng khai một lần, bà C đóng được 18 lần với số tiền 15.000.000 đồng.

Riêng phần hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 30/7/2019 bà C đã hót còn lại 05 phần hụi chết chưa đóng nên bà C đồng ý trừ vào số tiền bà N còn nợ. Tất cả dây hụi trên đều chưa đến hạn mãn hụi nhưng bà N báo không khai hụi nữa, do đó bà C yêu cầu bà N trả số tiền 91.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24Kr, yêu cầu tính lãi từ tháng 4/2021^{al} đến tháng 10/2021^{al}, lãi suất 1%/tháng với số tiền là 7.230.000 đồng, yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Đặng Thị Kim N trình bày: Bà C có tham gia các dây hụi do bà làm đầu thảo như sau:

Hụi vàng, khai ngày 30/6/2019, bà C đóng được 11 lần là 11 chỉ vàng 24Kr, bà đã giao cho bà C 1,5 chỉ vàng 24Kr còn nợ 10 lần đóng là 10 chỉ vàng 24Kr, bà xin trả vốn cho bà C.

Dây hụi ngày 10/11/2019, hụi 5.000.000 đồng, 19 phần, bà C đóng được 9 phần là 24.350.000 đồng.

Dây hụi ngày 30/10/2019, hụi 2.000.000 đồng, 25 phần, bà C đóng được 18 phần là 23.090.000 đồng.

Dây hụi ngày 10/10/2020, hụi 1.000.000 đồng, 27 phần, bà C đóng 15 phần là 8.785.000 đồng.

Dây hụi ngày 30/7/2019, hụi 1.000.000 đồng, bà C đã hót còn 5 phần hụi chết chưa đóng là 3.200.000 đồng.

Bà N xin trả vốn tổng cộng là 56.825.000 đồng và 10 chỉ vàng 24Kr trong thời hạn 06 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Bà C yêu cầu bà N trả vàng và tiền nợ hụi nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Bà Đặng Thị Kim N là chủ hụi, có hưởng hoa hồng, bà Nguyễn Thị Kim C tham gia chơi hụi với các dây sau: Hụi vàng khai ngày 30/6/2019, gồm 15 phần, bà C tham gia một phần, bà đóng được 11 lần là 11 chỉ vàng 24Kr. Sau khi ngưng hụi, bà N đã giao lại cho bà C 1,5 chỉ vàng 24Kr, còn nợ 10 lần; Dây hụi khai ngày 10/11/2019, hụi 5.000.000 đồng, gồm 19 phần, bà C tham gia 01 phần và đóng được 9 lần với số tiền là 24.350.000 đồng; Dây hụi khai ngày 30/10/2019, hụi 2.000.000 đồng, gồm 25 phần, bà C tham gia 01 phần và đóng được 18 lần là 23.090.000 đồng; Dây hụi khai ngày 10/10/2020, hụi

1.000.000 đồng, gồm 27 phần, bà C tham gia 01 phần và đóng được 15 phần là 8.785.000 đồng; Ngoài ra, bà C còn tham gia dây hụi khui ngày 30/7/2019, hụi 1.000.000 đồng, bà C đã hốt, còn nợ lại bà N 5 phần hụi chết chưa đóng. Tại đơn khởi kiện, bà C yêu cầu bà N trả tiền nợ hụi tổng cộng là 91.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24Kr, trả tiền lãi từ tháng 4/2021^{al} đến tháng 10/2021^{al}, lãi suất 1%/tháng với số tiền là 7.230.000 đồng, yêu cầu trả một lần sau khi án hiệu lực pháp luật. Tại phiên hòa giải ngày 06/12/2021, bà N xác định bà C có tham gia các dây hụi do bà làm chủ, do bị các thành viên khác giựt hụi, không còn khả năng choàng nên bà đã thông báo ngưng khui hụi và đồng ý trả lại vốn cho bà C số tiền là 56.825.000 đồng và 10 chỉ vàng 24Kr trong thời hạn 06 tháng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, người nhận ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả và trừ tiền hoa hồng đối với các dây hụi, bà yêu cầu bà N trả cho bà C số tiền 85.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24Kr, trả khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền lãi chậm trả 7.230.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn mới có yêu cầu khởi kiện bổ sung, nhưng vẫn chưa đóng tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét thấy, các dây hụi mà bà N làm chủ là hụi có lãi, khi tham gia bà C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi của thành viên. Mặc dù chưa đến thời hạn mãn hụi nhưng bà N đã ngưng khui hụi, do đó bà N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại vốn và lãi hụi đã thỏa thuận trong các dây, trừ số tiền hoa hồng theo yêu cầu của bà Hồng T là có căn cứ, phù hợp qui định của pháp luật. Đối với yêu cầu của bà N, chỉ đồng ý trả lại số vốn và yêu cầu được trả trong thời hạn 6 tháng là không có thiện chí trả nợ, nhằm kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C.

[3] Án phí: Bà Đặng Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giá vàng 24Kr tại thời điểm xét xử là 5.160.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các điều 15, 18, 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C (do bà Võ Thị Hồng T đại diện theo ủy quyền).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C, yêu cầu bà Đặng Thị Kim N trả số tiền 6.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24Kr.

Buộc bà Đặng Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng) và 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24Kr (tiệm vàng Phan Ngọc), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Thị Kim N chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí: Bà Đặng Thị Kim N phải chịu 8.120.000đ (Tám triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 4.048.750đ (Bốn triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001365 ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phụng